

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 4380112185

Chứng nhận lần đầu: Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 20 tháng 7 năm 2018

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: Ngày 28 tháng 11 năm 2018

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 1586/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Văn bản số 2234/TTg-KTN ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy hoạch khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 352/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 929/2014/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh, tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 1519/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Quản lý



Khu kinh tế Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2895/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ và ưu tiên đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định hướng dẫn quản lý dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 01 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch chung Khu phức hợp Đô thị, Công nghiệp công nghệ cao tại thành phố Uông Bí và thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 4315/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Văn bản số 1854/UBND-XD6 ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc chủ trương đầu tư Dự án xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do các Nhà đầu tư (gồm: AMATA VN PUBLIC COMPANY LIMITED; Bà SOMHATAI PANICHEWA; Ông VIWAT KROMADIT) nộp ngày 27 tháng 11 năm 2018;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý Đầu tư tại Phiếu trình số 42/PTr-ĐT ngày 27 tháng 11 năm 2018,

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ QUẢNG NINH

Chứng nhận:

Dự án đầu tư Xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; mã số dự án 4380112185, do Ban Quản lý Khu kinh tế cấp chứng nhận lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 20 tháng 7 năm 2018;

Được đăng ký điều chỉnh các nội dung sau: Điều chỉnh tỷ lệ vốn góp để thực hiện dự án của các giai đoạn góp vốn; Cập nhật thông tin về Tổ chức kinh tế thực hiện dự án.

Nhà đầu tư thứ nhất:

Tên nhà đầu tư: AMATA VN PUBLIC COMPANY LIMITED; Giấy chứng nhận số 0107555000325 do Vụ phát triển kinh tế, Bộ Thương mại Thái Lan cấp ngày 30 tháng 8 năm 2012.

Địa chỉ trụ sở chính: 2126, New Petchburi Road, Bang Kapi Sub-district, Huai Khwang District, Bangkok Metropolis.

Người đại diện theo pháp luật:

- Bà Somhatai Panichewa; Sinh ngày 22 tháng 5 năm 1966; Quốc tịch: Thái Lan; Hộ chiếu số AA 4937311 cấp ngày 14 tháng 5 năm 2015 tại Thái Lan; Địa chỉ thường trú: 87/3 Sukhumvit 54 Bangjak, Prakanong, Bangkok 10260, Thailand; Điện thoại: 02033.567.007; Chức vụ: Giám đốc điều hành.

- Ông Kampol Tatiyakavee; Sinh ngày 09 tháng 11 năm 1959; Quốc tịch: Thái Lan; Hộ chiếu số AA 2486761 cấp ngày 29 tháng 01 năm 2014 tại Thái Lan; Địa chỉ thường trú: 52/4 soi Meksawaad, Sri Bamphen Road Yanawa, Bangkok 10120, Thailand; Điện thoại: 02033.567.007.

Nhà đầu tư thứ hai:

Bà SOMHATAI PANICHEWA; Sinh ngày 22 tháng 5 năm 1966; Quốc tịch: Thái Lan; Hộ chiếu số AA 4937311 cấp ngày 14 tháng 5 năm 2015 tại Thái Lan; Địa chỉ thường trú: 87/3 Sukhumvit 54 Bangjak, Prakanong, Bangkok 10260, Thailand; Điện thoại: 02033.567.007.

Nhà đầu tư thứ ba:

Ông VIWAT KROMADIT; Sinh ngày 21 tháng 10 năm 1962; Quốc tịch: Thái Lan; Hộ chiếu số AA 6436994 cấp ngày 18 tháng 3 năm 2016 tại Thái Lan; Địa chỉ thường trú: 2126 Kromadit Building, New Petchburi Road, Bangkapi, Huay Kwang, Bangkok 10310, Thailand; Điện thoại: 02033.567.007.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Đô thị Amata Hạ Long; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 5701929293 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2018, chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 20 tháng 9 năm 2018.

Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Sông Khoai, Xã Sông Khoai, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Nhân; sinh ngày 03 tháng 05 năm 1981; quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh nhân dân số 272224097 do Công an Đồng Nai cấp ngày 28 tháng 03 năm 2008; địa chỉ thường trú tại: Tổ 13, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam; chỗ ở hiện nay tại Tổ 13, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam; số điện thoại: 02033.567.007; fax: 02033.562.007; địa chỉ email: nhan@amata.com; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: XÂY DỰNG, KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP SÔNG KHOAI, THỊ XÃ QUẢNG YÊN, TỈNH QUẢNG NINH.

2. Mục tiêu dự án:

Mục tiêu hoạt động	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC
Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng tầng tầng Khu công nghiệp	Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Thiết kế, san bằng khu đất và hoàn tất việc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình tiện ích/tiện ích công cộng, các nhà máy được xây dựng sẵn theo tiêu chuẩn, kho, bãi, hệ thống bảo vệ môi trường và hệ thống phòng chống cháy của Khu công nghiệp.	4312	512 513
	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Xây dựng hoàn chỉnh các công trình kỹ thuật cơ sở hạ tầng, tiện ích các đô thị chuyên biệt tiện nghi, tiện ích công cộng, các nhà xưởng tiêu chuẩn, kho tàng, sân bãi, các công trình đảm bảo môi sinh, môi trường; phòng chống cháy, nổ cho toàn Khu công nghiệp.	4329	5211 5212
	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Thực hiện việc kinh doanh dịch vụ vận chuyển trong phạm vi khu công nghiệp.	4933	7123
	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho các nhà đầu tư thuê khu đất trong Khu công nghiệp đã được phát triển có các cơ sở hạ tầng, cho các nhà đầu tư thuê hoặc bán các nhà máy được xây dựng sẵn do Công ty sở hữu trong Khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng khu thương mại, dịch vụ và nhà ở, căn hộ để bán và cho thuê.	6810	8210
	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Kinh doanh sàn giao dịch bất động sản để phục vụ cho hoạt động kinh doanh bất động sản của công ty (gồm cho thuê đất đã được xây dựng	6820	8672



	hạ tầng trong khu công nghiệp, xây dựng khu thương mại, dịch vụ nhà ở để bán và cho thuê) và kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản.		
	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế các công trình kỹ thuật cơ sở hạ tầng, tiện nghi, tiện ích công cộng, các nhà xưởng tiêu chuẩn, kho tàng, sân bãi, các công trình đảm bảo môi sinh, môi trường; phòng chống cháy, nổ cho toàn Khu công nghiệp.	7110	8650
	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vệ sinh trong khu công nghiệp	8129	9403

(Nhà đầu tư chỉ được thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia)

3. Quy mô dự án:

- Công suất thiết kế: Tổng diện tích đất được sử dụng để cho các nhà đầu tư thứ cấp thuê là 485,13 ha.

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Hình thành Khu công nghiệp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đồng bộ, đáp ứng đầy đủ nhu cầu hạ tầng của nhà đầu tư, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất trong khu công nghiệp.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Thuộc địa giới Xã Sông Khoai, Phường Đông Mai, Phường Cộng Hòa, Phường Minh Thành, Thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

5. Diện tích đất sử dụng: 714 ha (trong đó phần diện tích 45 ha đất quản lý theo Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ chỉ được quy hoạch và đầu tư sau khi hoàn thiện thủ tục di dời và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 3.534.901.341.000 (ba nghìn năm trăm ba mươi bốn tỷ chín trăm lẻ một triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn) đồng Việt Nam, tương đương 155.585.446 (một trăm năm mươi lăm triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: 530.235.201.150 (năm trăm ba mươi tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu hai trăm lẻ một nghìn một trăm năm mươi) đồng Việt Nam, tương đương 23.337.817 (hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm mười bảy) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 15% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức góp vốn như sau:

GCNĐKĐT 4380112185 (6)

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD		
1	Amata VN Public Company Limited	521.147.201.150	22.937.817	98,286	Tiền mặt
2	Bà Somahatai Panichewa	4.544.000.000	200.000	0,857	Tiền mặt
3	Ông Viwat Kromadit	4.544.000.000	200.000	0,857	Tiền mặt

Tiến độ góp vốn như sau:

+ Giai đoạn 1 (từ năm 2016 đến hết năm 2019): Các nhà đầu tư góp đủ 365.000.000.000 (Ba trăm sáu mươi lăm tỷ) đồng, tương đương 16.065.141 (Mười sáu triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi một) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 69% vốn góp để thực hiện dự án.

+ Giai đoạn 2 (năm 2020): Các nhà đầu tư góp đủ 41.122.916.381 (Bốn mươi một tỷ một trăm hai mươi hai triệu chín trăm mười sáu nghìn ba trăm tám mươi một) đồng, tương đương 1.809.987 (Một triệu tám trăm linh chín nghìn chín trăm tám mươi bảy) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 8% vốn góp để thực hiện dự án.

+ Giai đoạn 3 (từ năm 2021 đến hết năm 2023): Các nhà đầu tư góp đủ 95.206.216.729 (Chín mươi lăm tỷ hai trăm linh sáu triệu hai trăm mười sáu nghìn bảy trăm hai mươi chín) đồng, tương đương 4.190.415 (Bốn triệu một trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười lăm) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 18% vốn góp để thực hiện dự án.

+ Giai đoạn 4 (từ năm 2024 đến hết năm 2025): Các nhà đầu tư góp đủ 19.004.569.955 (Mười chín tỷ bốn triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm năm mươi lăm) đồng, tương đương 836.469 (Tám trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi chín) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 3% vốn góp để thực hiện dự án.

+ Giai đoạn 5 (năm 2026): Các nhà đầu tư góp đủ 9.901.498.084 (Chín tỷ chín trăm linh một triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn không trăm tám mươi bốn) đồng, tương đương 435.805 (Bốn trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm linh năm) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 2% vốn góp để thực hiện dự án.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (Năm mươi) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2018.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

Giai đoạn thực hiện	Diện tích (ha)	Hạng mục đầu tư xây dựng	Thời gian thực hiện

GCNĐKĐT 4380112185 (7)

Giai đoạn 1	123,00	- Thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến Dự án theo quy định của pháp luật. - Xây dựng khu điều hành, nhà máy sản xuất, trạm cấp nước, trạm điện 110KV, trạm xử lý nước thải, hồ điều hòa, cây xanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (giao thông, cấp điện, chiếu sáng, cấp nước, thông tin liên lạc, hệ thống thoát nước, đê...)	Từ năm 2016 đến hết năm 2019
Giai đoạn 2	120,08	Xây dựng Nhà máy sản xuất, hồ điều hòa, cây xanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (giao thông, cấp điện, chiếu sáng, cấp nước, thông tin liên lạc, hệ thống thoát nước...)	Năm 2020
Giai đoạn 3	299,42	Xây dựng Nhà máy sản xuất, trạm cấp nước, trạm xử lý nước thải, hồ điều hòa, cây xanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (giao thông, cấp điện, chiếu sáng, cấp nước, thông tin liên lạc, hệ thống thoát nước, đê...)	Từ đầu năm 2021 đến hết năm 2023
Giai đoạn 4	92,36	Xây dựng Khu điều hành, nhà máy sản xuất, cây xanh, trạm cấp nước theo QHC và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (giao thông, cấp điện, chiếu sáng, cấp nước, thông tin liên lạc, hệ thống thoát nước...)	Từ đầu năm 2024 đến hết năm 2025
Giai đoạn 5	79,14	Xây dựng Nhà máy sản xuất, cây xanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (giao thông, cấp điện, chiếu sáng, cấp nước, thông tin liên lạc, hệ thống thoát nước...)	Năm 2026

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư**1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp**

Được miễn thuế 02 (hai) năm và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 04 (bốn) năm tiếp theo (theo khoản 6 Điều 1 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế).

Thời gian miễn, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được ưu đãi thuế, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn, giảm thuế được tính từ năm thứ tư (theo khoản 4 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Điều kiện hưởng ưu đãi: Nhà đầu tư phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời

gian được ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp, nếu trong năm tính thuế mà doanh nghiệp không đáp ứng đủ một trong các điều kiện ưu đãi thuế quy định tại các khoản 7, 8 và khoản 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Điều 19 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp thì năm tính thuế đó không được ưu đãi thuế mà phải nộp thuế theo mức thuế suất quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi về tiền thuê đất

Trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất thì dự án được miễn tiền thuê đất 11 (mười một) năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản (theo khoản 6 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuế mặt nước).

Điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án chỉ được ưu đãi miễn tiền thuê đất sau khi làm các thủ tục để được miễn theo quy định (theo khoản 6 Điều 18 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước).

Trong quá trình quản lý, sử dụng đất dự án không đáp ứng các điều kiện để được miễn tiền thuê đất, sử dụng đất có nguyên nhân từ phía người thuê đất hoặc sử dụng đất không đúng mục đích đã được ghi tại quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất nhưng không thuộc trường hợp bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật đất đai thì phải thực hiện hoàn trả ngân sách nhà nước số tiền thuê đất đã được miễn và tiền chậm nộp tính trên số tiền thuê đất được miễn theo quy định của pháp luật về quản lý thuế (theo khoản 7 Điều 18 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước).

3. Ưu đãi về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Đối với diện tích để đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp: được miễn tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (theo khoản 1 Điều 9 Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12).

Điều kiện hưởng ưu đãi: Nhà đầu tư phải gửi hồ sơ kèm theo các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định hoặc xác định của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất chịu thuế tới cơ quan thuế trực tiếp quản lý để được giải quyết (theo điểm c khoản 2 Điều 12 Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp).

4. Ưu đãi về thuế nhập khẩu

Được hưởng ưu đãi theo quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016; Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các quy định có liên quan khác.

5. Các hình thức hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng các chính sách hỗ trợ và ưu tiên đầu tư theo quy định tại

Quyết định số 2895/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ và ưu tiên đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Dự án được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư khác (nếu có) theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, nếu dự án không đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư thì không được hưởng ưu đãi đầu tư.

Điều 3: Các điều kiện đối với Nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật; cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 70 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13; thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Các nhà đầu tư thực hiện dự án có trách nhiệm:

- Triển khai thực hiện Dự án theo đúng mục tiêu, quy mô, tiến độ và các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; tuân thủ các nội dung đã cam kết trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã nộp, các quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng, đất đai, môi trường, lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện, vận hành, hoạt động và kinh doanh dự án.

- Phối hợp triển khai việc điều chỉnh phần diện tích 45 ha đất quản lý theo Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trước khi triển khai dự án.

- Chỉ được thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh; Chỉ được triển khai xây dựng sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục theo quy định.

- Thực hiện ký quỹ đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ và khoản 2 Điều 48 Quyết định số 2999/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định hướng dẫn quản lý dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Việc thu hút các dự án đầu tư thứ cấp vào khu công nghiệp phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch ngành nghề và Báo cáo đánh giá tác động môi trường của khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải, bảo vệ môi sinh, môi trường, phòng chống cháy nổ và an toàn lao động theo các quy định của Nhà nước Việt Nam trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.

- Việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng lao động làm việc cho Dự án phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về lao động.

- Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư định kỳ và các báo cáo khác theo quy định; cung cấp các văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra và giám sát hoạt động đầu tư cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Dự án đầu tư bị ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 47, Luật Đầu tư số 67/2014/QH13.

- Dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động nếu thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 1, Điều 48, Luật Đầu tư số 67/2014/QH13.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4380112185 do Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh cấp chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 20 tháng 7 năm 2018.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 05 (năm) bản gốc; AMATA VN PUBLIC COMPANY LIMITED được cấp 01 (một) bản; Bà SOMHATAI PANICHEWA được cấp 01 (một) bản; Ông VIWAT KROMADIT được cấp 01 (một) bản; Công ty Cổ phần Đô thị Amata Hạ Long được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh./.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Mạnh Tuấn